

Bản án số: 17/2017/HSST

Ngày: 15-03-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yến**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Thành Trại**.

2. Ông **Huỳnh Văn Phó**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Bùi Lê Lộc** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Châu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 03 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2017/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2017 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh ngày 25/12/1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trú tại: ấp T, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Nghề nghiệp: Làm thuê.

- Trình độ học vấn: 05/12.

- Cha: Đặng Văn C, sinh năm 1972.

- Mẹ: Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975.

- Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Tạm giữ: Không.

- Tạm giam: Không.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

2. Người bị hại:

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đặng Văn C sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã T, TP. T, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Văn K, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở: ấp H, xã K, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Trương Thị Thùy T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 6/14, khu phố X, Phường Y, TP. T, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Đặng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 26/10/2016, anh Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Hamco, màu nâu, biển số 63V3 – 9829 chở Đặng Văn T về nhà của anh tại ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tại nhà anh Nguyễn Văn T thì Đặng Văn T hỏi mượn xe mô tô biển số 63V3 – 9829 của anh Nguyễn Văn T để về nhà lấy đồ và hẹn sáng hôm sau sẽ đến trả lại xe và đi phụ xe cho anh Nguyễn Văn T được anh Nguyễn Văn T đồng ý. Sau khi mượn được xe, Đặng Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên điều khiển xe mô tô biển số 63V3 – 9829 đến bán phế liệu cho chị Nguyễn Thị D với số tiền 550.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Một giấy đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63V3 – 9829 mang tên Trương Thị Thùy T;

- Một biển số xe mô tô số 63V3 - 9829.

Tại bản cáo trạng số 15/KSĐT ngày 19 tháng 01 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Đặng Văn T khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, 73 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Về vật chứng, Áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy biển số xe mô tô số 63V3 – 9829 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63V3-9829.

Anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh Nguyễn Văn T biết bị cáo qua sự giới thiệu và nhận bị cáo làm phụ xe cho anh, còn anh là tài xế. Vào ngày 26/10/2016, sau khi anh T và bị cáo đi xe về, anh T chở bị cáo về nhà của anh T ở xã T, huyện Châu Thành, Tiền Giang bằng xe mô tô số 63V3 – 9829. Xe này, anh T mua của anh Nguyễn Văn K giá 5.000.000 đồng, khi mua chỉ làm giấy mua bán không làm thủ tục sang tên nên chị Trương Thị Thùy T đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Tại nhà anh T, bị cáo Đặng Văn T hỏi

anh T mượn xe nêu trên về nhà của bị cáo lấy quần áo và hẹn sáng ngày 27/10/2016 sẽ đến nhà anh T trả xe và đi làm cùng anh T, anh T đồng ý cho mượn xe nhưng không đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo. Bị cáo không trả xe mô tô nêu trên cho anh T như đã hứa, anh T liên hệ điện thoại với bị cáo không được, anh T đến nhà của bị cáo tìm thì không gặp. Ngày 28/10/2016, anh T báo Công an. Do xe mô tô 63V3 – 9829 bị cáo bán không có sự đồng ý của anh và không thu hồi được, anh T có nhận của gia đình bị cáo 5.000.000 đồng bồi thường giá trị xe mô tô số 63V3 – 9829 cho anh T, anh T không yêu cầu gì khác và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với anh Nguyễn Văn K không có quan hệ với anh T cũng như bị cáo Đặng Văn T, anh cũng không có yêu cầu gì đối với xe mô tô biển số 63V3 – 9829 do anh mua và đã bán xe này lại cho anh Nguyễn Văn T với giá 5.000.000 đồng, hình thức mua bán như anh T nêu và tiền đã nhận đủ.

Ông Đặng Văn C trình bày: Ông là cha ruột của bị cáo, việc bị cáo phạm tội ông biết khi anh Nguyễn Văn T đến tìm bị cáo và vài ngày sau bị cáo về ông có giao anh T số tiền 5.000.000 đồng bồi thường giá trị xe của bị cáo chiếm đoạt. Do gia đình lao động nghèo, mẹ bị cáo phải đi làm thuê ở xa, chỉ một mình ông đi làm phụ hồ kiếm tiền nuôi bị cáo, em bị cáo và bà nội của bị cáo nên thiếu sự giáo dục, chăm sóc nên xin xem xét cho bị cáo hình phạt nhẹ. Đối với số tiền 5.000.000 đồng, ông giao cho anh Nguyễn Văn T để bồi thường thay cho bị cáo, ông không yêu cầu bị cáo hoàn lại.

Tại phiên tòa, vắng mặt chị Nguyễn Thị D và chị Trương Thị Thùy T. Nhưng theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Xe mô tô biển số 63V3 – 9829 do chị T là chủ sở hữu và đứng tên xe, chị T đã bán xe này, khi bán chị T không có làm giấy tờ, chị không xác định được người mua. Còn chị D xác định, xe mô tô số 63V3 – 9829 chị có mua phế liệu với giá 550.000 đồng, không biết xe do người bán chiếm đoạt mà có, sau khi mua chị cho người rã xe bán đồ món nên không còn, chỉ còn biển số xe chị đã giao nộp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, sự thừa nhận này còn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 26/10/2016, tại nhà anh Nguyễn Văn T thuộc ấp P, xã T, huyện Châu Thành, Tiền Giang bị cáo Đặng Văn T hỏi mượn anh Nguyễn Văn T xe mô tô nhãn hiệu Hamco, màu nâu, biển số 63V3 – 9829 về nhà lấy đồ. Do cần tiền tiêu xài nhưng không có nên bị cáo Đặng Văn T nảy sinh ý định chiếm đoạt bằng cách tự ý định đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn T tin tưởng giao cho bị cáo mượn là xe mô tô biển số 63V3 – 9829 đem bán phế liệu cho chị Nguyễn Thị D không trả lại xe cho anh Nguyễn Văn T. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.750.000 đồng nên bị cáo Đặng Văn T đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự, an ninh ở địa phương. Khi thực hiện tội phạm bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị báo vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn lợi ích cá nhân.

Về nhân thân, Năm 2013 bị cáo có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng theo Quyết định số 2268/QĐ-UBND để học tập rèn luyện, đã chấp hành xong ngày 01/05/2015 theo giấy chứng nhận số 10/GCN-TGD số 5 thuộc Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp. Nhưng bị cáo không có ý thức ăn năn hối cải, sửa sai đối với lần vi phạm trước lại tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tác động gia đình khắc phục hậu quả xong; sau khi thực hiện tội phạm ra đầu thú; tại phiên tòa thành khẩn khai báo và được người bị hại Nguyễn Văn T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Cho nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Xét thấy bị cáo Đặng Văn T có nơi cư trú rõ ràng, có ba tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo phạm tội ở tuổi chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế và được ông C là cha ruột của bị cáo hứa quản lý, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và xin cho bị hình phạt nhẹ để bị cáo có điều kiện làm phụ với ông kiếm tiền lo gia đình nên không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đủ sức giáo dục, phòng ngừa chung. Do bị cáo Đặng Văn T chưa có việc làm nên không có thu nhập nên bị cáo không bị khấu trừ thu nhập để sung quỹ nhà nước. Khi bị cáo thực hiện tội phạm, bị cáo chưa thành niên cần áp dụng những quy định, nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội quy định Điều 69, 73 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về vật chứng: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Hamco, màu nâu, biển số 63V3 – 9829 đã bán không thu hồi được, anh T đã nhận tiền bồi thường nên không yêu cầu nhận lại biển số và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63V3 – 9829 do không sử dụng được. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu và tiêu hủy biển số xe mô tô số 63V3 – 9829 và Một giấy đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63V3 – 9829 mang tên Trương Thị Thủy T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T đã nhận 5.000.000 đồng tiền bồi thường tài sản bị chiếm đoạt. Chị T đã bán xe mô tô 63V3 – 9829, ông K mua và đã bán xe này nhận tiền đủ. Cả ba không yêu cầu gì và ông C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.000.000 đồng nên không đặt ra xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị D là người mua xe mô tô biển số 63V3 – 9829 của bị cáo Đặng Văn T nhưng không biết xe này do bị cáo chiếm đoạt mà có nên không bị xử lý hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phân tích tính chất mức độ phạm tội; đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Đề nghị Hội

đồng xét xử, xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật và nhận định của Hội đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; Điều 45; Điều 69, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 73 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ** về tội *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, Tiền Giang để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Đặng Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, Tiền Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi thường trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy: Biển số xe mô tô số 63V3 – 9829 và một giấy đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63V3 – 9829 tên Trương Thị Thùy T;

(Theo các biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, ông C có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với chị D, chị T vắng mặt tại phiên tòa và anh T, ông K vắng khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSND H.Châu Thành;

-Chi cục THADS H.Châu Thành;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoàng Yên